



FROM |  coordinated care.



2026

Danh Mục Thuốc

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 1
THÁNG 1 NĂM 2026

CASCADE VÀ CASCADE SELECT



AmbetterHealth.com/en/wa

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Coordinated Care Corporation (Cascade và Cascade Select), hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là danh sách đầy đủ các thuốc được đài thọ theo quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0 - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1 - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2 - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3 - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể bao gồm các loại thuốc không phải thuốc chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4 - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.

Các Thuốc Thuộc Nhóm Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu "Các lần mua thuốc đầu tiên bị giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày" cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc đủ dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiants Non-Amphetamine		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl</i> <i>CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> TB24 36 MG, 54 MG	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> TB24 18 MG, 27 MG	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl</i> <i>TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate</i> PTCH	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate</i> SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	1B	
ARIKAYCE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %</i> , 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	1B	
<i>gentamicin sulfate</i> IJ 40 MG/ML	1B	
<i>neomycin sulfate</i> TABS	1B	
<i>streptomycin sulfate</i> SOLR	3	
<i>tobramycin</i> NEBU	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites		
OTREXUP SOAJ 10 MG/0.4ML, 12.5 MG/0.4ML, 15 MG/0.4ML, 17.5 MG/0.4ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.4ML, 25 MG/0.4ML	3	PA
RASUVO SOAJ 7.5 MG/0.15ML, 10 MG/0.2ML, 12.5 MG/0.25ML, 15 MG/0.3ML, 17.5 MG/0.35ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.45ML, 25 MG/0.5ML, 30 MG/0.6ML	3	PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEVIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.143 ML daily); PA	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.143 ML daily); PA	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA			
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA			
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
Gold Compounds			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)	<i>etodolac CAPS</i>	1B	
RIDAURA	3	QL(3 EA daily)	<i>etodolac TABS</i>	1B	
Interleukin-1 Blockers			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST
ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA	<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
Interleukin-6 Receptor Inhibitors			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	QL(3.6 ML per 28 day(s) retail; 4 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	QL(20 ML per 28 day(s) retail; 20 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
ACTEMRA SOSY	4	QL(3.6 ML per 28 day(s) retail; 4 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA	<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA	<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(20 EA per fill retail; 20 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)			<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST
			<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
			<i>nabumetone</i>	1B	
			<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
			<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
			<i>naproxen TABS</i>	1B	
			<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
			<i>piroxicam CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA XR TB24 PO 75 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A	
<i>diflunisal TABS</i>	1B	
<i>salsalate</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>CODEINE SULFATE TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)
<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)</i>	1B	
<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)
<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)
Opioid Combinations		
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	Opioid Partial Agonists		
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)	<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
			<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
			<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
			<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
			ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
			Androgens		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	

ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching

Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)

ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections

Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA

ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain

Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1A	
NITRO-BID OINT		
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV		
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	

ANTIANSXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety

Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>FASENRA SOSY 30 MG/ML</i>	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	C; QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
<i>ATROVENT HFA</i>	3	QL(0.44 GM daily)
<i>INCRUSE ELLIPTA</i>	2	C; QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	C; QL(15 ML daily)
<i>SPIRIVA RESPIMAT AERS IN</i>	2	C; QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	C; QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	1B	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
<i>ALVESCO</i>	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation))	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
budesonide (inhalation) SUSP	1B	C; QL(4 ML daily); PA
fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	1B	C
fluticasone propionate hfa	1B	C; QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	C
QVAR REDHALER	2	C
Sympathomimetics		
AIRDUO DIGIHALER	3	
AIRSUPRA	3	
albuterol sulfate AERS	1B	C
albuterol sulfate NEBU	1B	C
albuterol sulfate SYRP	1B	C
albuterol sulfate TABS	1B	C
arformoterol tartrate	1B	C; QL(4 ML daily)
BREO ELLIPTA 50 MCG/INH-25 MCG/INH	2	C
BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	2	
BREZTRI AEROSPHERE	2	C; QL(0.38 GM daily)
budesonide-formoterol fumarate dihydrate	1B	
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)
DULERA	2	C
fluticasone furoate-vilanterol	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
fluticasone-salmeterol AEPB 113 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 232 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 55 MCG/ACT-14 MCG/ACT	1B	C
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	1B	
fluticasone-salmeterol AERO	1B	C
formoterol fumarate NEBU	1B	C; QL(4 ML daily)
ipratropium-albuterol SOLN	1B	C; QL(18 ML daily)
levbuterol hcl	1B	C
levbuterol tartrate	1B	C; QL(0.5 GM daily)
PROAIR DIGIHALER	3	
PROAIR RESPICLICK AEPB	3	
SEREVENT DISKUS	2	C
STIOLTO RESPIMAT	2	C
STRIVERDI RESPIMAT	2	C
terbutaline sulfate SOLN	1B	C
terbutaline sulfate TABS	1B	C
TRELEGY ELLIPTA	2	C; QL(2 EA daily)
umeclidinium-vilanterol	2	C; QL(2 EA daily)
Xanthines		
theophylline ELIX	1B	
theophylline SOLN	1B	C; QL(56 ML daily)
theophylline TB12	1B	C
theophylline TB24	1B	C
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
warfarin sodium TABS	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPB	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPB	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ML daily)
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA	<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1B	QL(40 ML daily)
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 EA daily)
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
			<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); ST	DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B		<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA	<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA	<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2		Succinimides		
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA	<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	Valproic Acid		
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
Carbamates			<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)	<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)	Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
GABA Modulators			<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>tiagabine hcl</i>	1B		<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	Antidepressants - Misc.		
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	D+/C
Hydantoins			<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	D+/C
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2		<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
DILANTIN	2		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2		EMSAM	3	QL(1 EA daily)
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2		MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
			<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
			<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1A	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1A	D/C
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	D+/C
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A	D/C
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1A	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B	D+/C
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B	D/C
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B	D/C
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B	
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B	D/C
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B	D+/C
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	D/C
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B	
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1A	D/C
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	D+/C
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glipizide-metformin hcl</i> 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	1B	D+; QL(2 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
<i>glyburide-metformin</i> 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	1B	D+; QL(4 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>glyburide-metformin</i> 250 MG-1.25 MG	1B	D+; QL(2 EA daily)	XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)	Biguanides		
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl</i> TABS 1000 MG	1A	D+; QL(2.5 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl</i> TABS 500 MG	1A	D+; QL(5 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl</i> TABS 850 MG	0	QL(3 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl</i> TB24 750 MG	1B	D+; QL(3 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl</i> TABS	1B	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl</i> TB24 500 MG	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	1B	QL(1 EA daily)	Diabetic Other		
<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-2.5 MG	1B	QL(2 EA daily)	<i>diazoxide</i>	3	
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA	<i>glucagon SOLR IJ</i> 1 MG	1B	D+; QL(0.035 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)	JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	Incretin Mimetic Agents		
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
			OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
			OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
			OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
			RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	D; QL(1.34 ML daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	D; QL(1.34 ML daily)
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B	
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B	
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B	
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	D
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	D
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	D
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	D
NOVOLIN N SUSP	2	D
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	D
NOVOLIN R SOLN IJ	2	D
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1B	D
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1B	D
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1B	D
NOVOLOG PENFILL SOCT	1B	D
NOVOLOG SOLN IJ	1B	D
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	D
TRESIBA SOLN	2	D
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily)
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungals		
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
Imidazole-Related Antifungals			<i>loratadine CAPS</i>	1B	
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA	<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>fluconazole SUSR</i>	1B		<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B		<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>loratadine TBDP</i>	1B	
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA	QUZYTIR SOLN IV	3	PA
<i>ketoconazole</i>	1B		XYZAL ALLERGY 24HR CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML	2	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)	Antihistamines - Phenothiazines		
TOLSURA CAPS	4	PA	<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies			<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines			Antihistamines - Piperidines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B		<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B		<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B		ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Cholesterol		
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B		Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A		<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B		Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ML daily)	<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
Antihistamines - Non-Sedating			<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)	Bile Acid Sequestrants		
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC	<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
			<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 130 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1A	D+; QL(1 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1A	D+
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1A	D+
<i>fosinopril sodium</i>	1B	D+
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1A	D+
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	D+
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>losartan potassium</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	D+
<i>valsartan TABS</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1A	D+
Antiadrenergic Antihypertensives			<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1A	D+; QL(8 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>clonidine PTWK</i>	1B	QL(0.15 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>doxazosin mesylate</i>	1B		<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>guanfacine hcl</i>	1B		<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Antihypertensive Combinations			<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B		<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST	<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3				
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B				
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B				
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)			
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B				
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	D+
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	D+
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1B	
<i>pentamidine isethionate IN</i>	1B	
<i>tinidazole</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1A	
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 10 MG (<i>lomustine</i>)	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (<i>lomustine</i>)	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>lomustine 40 MG, 100 MG</i>	4	PA
<i>lomustine 10 MG</i>	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
TABLOID	4	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
MVASI	4	PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)
ZIRABEV	4	PA	<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP
Antineoplastic - Antibodies			ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
LOQTORZI	4	PA	EMCYT	4	SP; PA
RUXIENCE	4	PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA
TRUXIMA	4	PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA
YERVOY	4	SP; PA	<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
KANJINTI	4	PA	FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
OGIVRI	4	PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>letrozole</i>	1B	
TUKYSA	4	PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 EA daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA			
VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA			
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors					
DAURISMO	4	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA
ORGOVYX	4	PA	Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA
<i>toremifene citrate</i>	1B		<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA	BOORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators			IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Antibiotics			ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	KYPROLIS	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Combinations					
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
MEKINIST SOLR	4	QL(40 ML daily); PA	XOSPATA	4	PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA	ZEJULA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA	ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(2 EA daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	Antineoplastics Misc.		
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	MATULANE	4	SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	NIPENT	4	SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA	UVADEX	4	SP; PA
TAFINLAR TBSO	4	QL(30 EA daily); PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
TAZVERIK	4	PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA	VORAXAZE	4	SP; PA
TURALIO 125 MG	4	PA	Mitotic Inhibitors		
VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA	<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
			<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
			ETOPOPHOS	4	SP; PA
			<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
			<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
<i>paclitaxel</i> 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate</i> 10 MG/ML	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl</i> 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	4	SP; PA
<i>topotecan hcl</i> SOLN	4	
<i>topotecan hcl</i> SOLR	4	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate</i> TABS	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl</i> SOLN	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl</i> TABS	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl</i> CAPS	1B	
<i>amantadine hcl</i> SOLN	1B	
<i>amantadine hcl</i> TABS	1B	
<i>apomorphine hydrochloride</i> SOCT	4	PA
<i>bromocriptine mesylate</i> CAPS	1B	
<i>bromocriptine mesylate</i> TABS 2.5 MG	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa</i> TABS	1B	
<i>carbidopa-levodopa</i> TBCR	1B	
<i>carbidopa-levodopa</i> TBDP	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride</i> TABS 0.125 MG	1B	QL(4 EA daily)
<i>pramipexole dihydrochloride</i> TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	1B	
<i>ropinirole hydrochloride</i> TABS	1B	
<i>ropinirole hydrochloride</i> TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride</i> TB24 8 MG, 12 MG	1B	QL(2 EA daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>selegiline hcl</i> CAPS	1B	
<i>selegiline hcl</i> TABS	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate</i> CAPS	1B	
<i>lithium carbonate</i> TABS	1B	
<i>lithium carbonate</i> TBCR	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Benzisoxazoles			<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
FANAPT TITRATION PACK A	2	PA	Phenothiazines		
<i>paliperidone</i>	1B		<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA	<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA	<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>risperidone SOLN</i>	1B		<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>risperidone TABS</i>	1B		<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B		<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
Butyrophenones			<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)	<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B		<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B		<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B		<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Dibenzapines			Quinolinone Derivatives		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clozapine TABS</i>	1B		REXULTI	3	PA
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)	Thioxanthenes		
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>thiothixene</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
<i>loxapine succinate</i>	1B		Antiretrovirals		
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)	<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)	<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
CABENUVA	3		GENVOYA	3	QL(1 EA daily)
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST	INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)
<i>darunavir TABS</i>	1B		ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)
DESCOVY 200 MG-25 MG	3		JULUCA	3	QL(1 EA daily)
DOVATO	3	QL(1 EA daily)	KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)
EDURANT	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)	<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)	<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
			NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)
			NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
			ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
			PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)
			PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
			PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
			PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
			RETROVIR SOLN	3	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily)
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
SYMTUZA	3	
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY PD TBSO	3	
TIVICAY TABS 50 MG	3	QL(2 EA daily)
TRIUMEQ PD TBSO	3	
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
TYBOST	3	QL(1 EA daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 EA daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA
SOVALDI TABS 200 MG	3	QL(1 EA daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	3	QL(1 EA daily); SP; PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)

BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1A	D+
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	D+
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	D+; QL(8 EA daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1A	D+
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	D+
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	D+
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1A	D+
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
Beta Blockers Non-Selective		
<i>HEMANGEOL SOLN PO</i>	4	QL(75 ML daily); PA
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl extended release beads 420 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	D+
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	D+
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine TB24 30 MG</i>	1B	D+
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	D+
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	D+
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 EA daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
AVERI TABS PO	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0		Copper Contraceptives - IUD		
LO LOESTRIN FE TABS	0		MIUDELLA INTRAUTERINE COPPER	0	
NATAZIA	0		PARAGARD INTRAUTERINE COPPER	0	
NEXTSTELLIS	0		Emergency Contraceptives		
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0		ELLA	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0		<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		Progestin Contraceptives - Implants		
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0		NEXPLANON	0	
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0		Progestin Contraceptives - Injectable		
<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0		Progestin Contraceptives - IUD		
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		KYLEENA	0	
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0		LILETTA (52 MG)	0	
TYBLUME CHEW	0		MIRENA (52 MG)	0	
Combination Contraceptives - Transdermal			SKYLA	0	
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		Progestin Contraceptives - Oral		
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail; 9 EA per 84 days mail)	<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
Combination Contraceptives - Vaginal			OPILL	0	
ANNOVERA	0		SLYND	0	QL(1 EA daily)
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)	CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
			Glucocorticosteroids		
			<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
			DEPO-MEDROL SUSP	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
Antipsoriatics			STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	STEQEYMA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	STEQEYMA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA	<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA	YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA	Antiseborrheic Products		
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	Antivirals - Topical		
PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA	<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
			Burn Products		
			<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
			<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SULFAMYLON CREA	3		<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
			<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
			<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
			<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)
			<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)	Eczema Agents		
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
HALOG OINT	3	PA	Emollients		
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	Enzymes - Topical		
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)	SANTYL OINT	3	PA
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	Immunomodulating Agents - Topical		
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)			
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B				
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1B	D
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	D
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	D
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	D
KETONE TEST STRP	1B	D
KETOSTIX STRP	1B	D
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	D
PRECISION XTRA KETONE	1B	D
RELION KETONE TEST STRP	1B	D
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	D; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	D; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2		<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>furosemide TABS</i>	1A	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure			<i>torseamide TABS</i>	1B	
			Potassium Sparing Diuretics		
Carbonic Anhydrase Inhibitors			<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
			<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>acetazolamide sodium</i>	1B		<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)	Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)	DIURIL SUSP	2	QL(20 ML daily)
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Diuretic Combinations			<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1A		<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1A		<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
Loop Diuretics			ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B		- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)	Bone Density Regulators		
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)	<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1A	QL(0.143 EA daily)
			<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
			<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
			FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
			<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
			<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	1B	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
ANGELIQ	3	
BIJUVA	3	
CLIMARA PRO	3	
COMBIPATCH PTTW	3	
DUAVEE	3	
<i>esterified estrogens & methyltestosterone</i>	3	
<i>estradiol & norethindrone acetate TABS</i>	3	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG <i>(estrogens, conjugated)</i>	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. -		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
RENFLEXIS	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTI-K	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sevelamer carbonate</i> TABS	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer)</i> TBCR	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant)</i> SOLN 1.5 %	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant)</i> 0.9 %	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1B	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl</i> TABS 100 MG, 200 MG	1B	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1A	
<i>colchicine</i> TABS	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate</i> SOSY	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate</i> 300 MG	1B	

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
NYVEPRIA	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	Laxatives - Miscellaneous		
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA	<i>lactulose SOLN</i>	1B	
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	Stimulant Laxatives		
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)	<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>triazolam</i>	1B		<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	Surfactant Laxatives		
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists			MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
BELSOMRA	3	PA	Azithromycin		
Selective Melatonin Receptor Agonists			<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs			<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
Bulk Laxatives			<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B		<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
Laxative Combinations			Clarithromycin		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B		<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0		<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA	<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B		Erythromycins		
			<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
			<i>erythromycin base TABS</i>	3	
			<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
			<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
			<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
			Fidaxomicin		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin)	2		KIMONO MISC	0	
fidaxomicin TABS 200 MG	1B		MAXX PLUS MISC	0	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			MAXX MISC	0	
Contraceptives			OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
AIMSCO LUBRICATED MISC	0		REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	
CAYA DPRH	0		REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0		TROJAN BARESKIN DEVI	0	
DUREX TROPICAL MISC	0		TROJAN MAGNUM MISC	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0		TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0		TROJAN ULTRA THIN MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	
FEMCAP DEVI	0		TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0		TRUE COVER DEVI	0	
KIMONO COLORS DEVI	0		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0		TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0		TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	
KIMONO PLUS MISC	0		TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	
KIMONO PS PLUS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	
KIMONO PS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	
KIMONO SENSATION MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0				

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	
TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
Diabetic Supplies		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	PA
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FREESTYLE LIBRE READER	3	PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	D; RX/OTC
RELION LANCET DEVICES 30G	1B	D; RX/OTC
RELION LANCETS	1B	D; RX/OTC
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
SELECT LANCETS	1	6.66/day
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	D
Parenteral Therapy Supplies		
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	D; QL(5 EA daily)
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day; #
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UBRELVY 50 MG	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 30 EA per 90 days mail); ST	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
UBRELVY 100 MG	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); ST	<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Combinations			<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Migraine Products			<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)	<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
Serotonin Agonists			<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST			
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
MINERALS & ELECTROLYTES		
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
Calcium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
Electrolyte Mixtures		
<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B	
IONOSOL-MB IN D5W	1B	
ISOLYTE-P IN D5W	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B	
NORMOSOL-M IN D5W	1B	
NORMOSOL-R PH 7.4	1B	
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>ringer's</i>	1B	
Fluoride		
<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)
Phosphate		
<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Immunomodulators		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE SODIUM	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN 5 MG/ML (<i>tacrolimus</i>)	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC	PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)
Prenatal Vitamins			PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG- 1.84 MG-18 MG-2.6 MG- 1.7 MG-27 MG-10 MCG- 4.95 MG-25 MG-200 MG- 160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG- 800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG- 1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG- 12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)	Central Muscle Relaxants		
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC			
ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)			

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>baclofen TABS</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 ML daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
Miotics		

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B		<i>difluprednate</i>	1B	PA
Ophthalmic Adrenergic Agents			<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B		FML FORTE SUSP	3	PA
Ophthalmic Anti-infectives			LOTEMAX OINT	3	PA
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
BESIFLOXACIN HCL 0.6 %	3	PA	<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
BESIVANCE	3	PA	<i>loteprednol etabonate-tobramycin</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B		MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		PRED MILD	3	PA
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B		<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
NATACYN	2		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B		<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B		<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B		ZYLET	3	PA
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B		Ophthalmic Surgical Aids		
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B		HEALON PRO SOSY	3	PA
<i>trifluridine</i>	1B		PROVISC SOSY	3	PA
ZIRGAN GEL	2		Ophthalmics - Misc.		
Ophthalmic Immunomodulators			ALOCRIAL	3	PA
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA	ALOMIDE	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics			<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>proparacaine hcl</i>	1B		<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
Ophthalmic Steroids			<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	1B	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMUNEX-C 40 GM/400ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	PA
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 EA daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fingolimod hcl</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1A	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
VAXELIS SUSP	0	
VAXELIS SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine		

Ambetter Formulary Updated February 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>NEXIUM 24HR TBEC 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists		
<i>mirabegron TB24</i>	3	PA
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO 0.5 ML	0	
CAPVAXIVE	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI 0.5 ML	0	
MENVEO SOLN	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PENBRAYA	0	
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)
PNEUMOVAX 23 SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA 0.5 ML	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0	
AUDENZ EMUL	0	
AUDENZ PRSY	0	
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0	
COMIRNATY SUSP	0	
COMIRNATY SUSY	0	
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOL IJ	0	
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JYNNEOS	0	
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
			MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0	
			MODERNA COVID-19 BIVALENT	0	
			MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
			MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			MRESVIA	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0	
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0	
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0	
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0	
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0	
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0	
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0	
SPIKEVAX SUSP	0	
SPIKEVAX SUSY	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXX	0	PV
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
ESTRING RING 7.5 MCG/24HR	3	
FEMRING	3	
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ML daily)
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	28	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	43	adapalene GEL	35
abacavir sulfate TABS	29	ACTHAR GEL	43	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	35
abacavir sulfate-lamivudine	28	ACTHIB SOLR IM	62	adefovir dipivoxil	30
abiraterone acetate 250 MG	24	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	26	ADEMPAS	33
abiraterone acetate 500 MG	24	acyclovir CAPS	30	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	60
ABRYSVO	62	acyclovir SUSP	30	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	62
acamprosate calcium	58	acyclovir TABS PO	30	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	62
acarbose	14	acyclovir topical CREA	38	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	62
acebutolol hcl CAPS	31	acyclovir topical OINT	38	AFLURIA SUSP	62
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP	60	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	46
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	7	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	60	AIMOVIG	50
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	7	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 40 MG/0.4ML	3	AIMSCO LUBRICATED MISC	49
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3	AIRDUO DIGIHALER	10
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	7	ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT 3		AIRSUPRA	10
acetazolamide CP12	42	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	3	AKYNZEO	17
acetazolamide sodium	42	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	3	albendazole	8
acetazolamide TABS 125 MG	42	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albuterol sulfate AERS	10
acetazolamide TABS 250 MG	42	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate NEBU	10
acetic acid (otic)	57	ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT 3		albuterol sulfate SYRP	10
acetic acid 0.25 %	46	ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	3	albuterol sulfate TABS	10
acetylcysteine SOLN	35	ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	3	alclometasone dipropionate CREA	39
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	3	alclometasone dipropionate OINT	39
acitretin 25 MG	38	adapalene CREA	35	ALDURAZYME	43
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4			ALECENSA	25
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4			alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	42
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4				
ACTEMRA SOSY	4				

alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	42	amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	61
alfuzosin hcl	46	amiloride & hydrochlorothiazide ..	42	amphetamine sulfate TABS	1
ALINIA SUSR	21	amiloride hcl TABS	42	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG	1
aliskiren fumarate	21	aminocaproic acid TABS	47	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG	1
allopurinol 100 MG, 300 MG	46	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 9		amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1
almotriptan malate 12.5 MG	51	amiodarone hcl TABS	9	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1
almotriptan malate 6.25 MG	51	amitriptyline hcl TABS	14	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
ALOCRIIL	56	amlodipine besylate TABS	31	amphotericin b IV	17
alogliptin benzoate	15	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32	ampicillin CAPS 500 MG	57
alogliptin-metformin hcl	14	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		ampicillin sodium IV 10 GM	57
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	anagrelide hcl	46
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14	amlodipine besylate-valsartan	20	anastrozole	24
ALOMIDE	56	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide	20	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	8
alosetron hcl	45	amoxapine	14	ANGELIQ	44
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	9	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 58		ANNOVERA	34
alprazolam TABS 2 MG	9	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 58		ANZEMET TABS 50 MG	17
alprazolam TBP24	9	amoxicillin & pot clavulanate TABS 58		APIDRA SOLN	16
alprazolam TBDP	9	amoxicillin & pot clavulanate TB12 58		APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
ALTABAX	36	amoxicillin CAPS	57	apomorphine hydrochloride SOCT 27	
ALVESCO	9	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 57		aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG . 17	
alvimopan	45	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML ... 57		aprepitant CAPS 80 MG	17
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	57	aprepitant CAPS	17
amantadine hcl SOLN	27	amoxicillin TABS	57	APTIVUS CAPS	29
amantadine hcl TABS	27			ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	47
ambrisentan	32				
amcinonide CREA	39				
amcinonide OINT	39				

ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML47	ATGAM53	azithromycin TABS 600 MG 48
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...47	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG1	aztreonam 1 GM21
ARCALYST4	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG1	bacitracin (ophthalmic)56
AREXVY62	atorvastatin calcium TABS19	baclofen TABS55
arformoterol tartrate10	atovaquone21	balsalazide disodium CAPS 45
ARIKAYCE2	atovaquone-proguanil hcl 22	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12
aripiprazole SOLN PO28	atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML55	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 12
aripiprazole TABS28	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML61	BAXDELA SOLR44
armodafinil1	ATROVENT HFA9	BAXDELA TABS44
ARMOUR THYROID TABS60	AUDENZ EMUL62	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN . 50
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation)) ...10	AUDENZ PRSY62	BELSOMRA48
arsenic trioxide 10 MG/10ML26	AURANOFIN 3 MG4	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...20
ARZERRA24	AUSTEDO TABS58	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..20
ascorbic acid SOLN IJ65	avanafil32	benazepril hcl19
asenapine maleate 2.5 MG28	AVERI TABS PO33	BENEFIX KIT46
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .28	AVONEX PEN AJKT59	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 35
aspirin CHEW5	AVONEX PREFILLED PSKT59	BENZEPRO FOAM 5.3 %35
aspirin TABS 325 MG5	azacitidine SUSR23	benzonatate 100 MG35
aspirin TBEC 325 MG5	AZATHIOPRINE SODIUM53	benzonatate 150 MG35
aspirin TBEC 81 MG5	azathioprine TABS53	benzonatate 200 MG35
aspirin-dipyridamole46	azelaic acid GEL41	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %35
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG29	azelastine hcl (ophth)56	benzoyl peroxide GEL 10 %36
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .29	azelastine hcl55	benzoyl peroxide GEL 5 %36
atenolol & chlorthalidone20	azithromycin PACK48	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .36
atenolol TABS31	azithromycin SUSR48	benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 35
	azithromycin TABS 250 MG48	
	azithromycin TABS 500 MG48	

benztropine mesylate TABS	27	BIJUVA	44	budesonide (intrarectal)	8
bepotastine besilate	56	BIKTARVY	29	budesonide (nasal)	55
BESIFLOXACIN HCL 0.6 %	56	bimatoprost SOLN	57	budesonide CPEP	34
BESIVANCE	56	bisacodyl SUPP	48	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
betaine	43	bisacodyl TBEC	48	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	42
betamethasone dipropionate (topical) CREA	39	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20	bumetanide TABS	42
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	39	bisoprolol fumarate	31	buprenorphine hcl SOLN	7
betamethasone dipropionate (topical) OINT	39	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	buprenorphine hcl SUBL	7
betamethasone dipropionate augmented CREA	39	BOOSTRIX SUSP	60	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7
betamethasone dipropionate augmented LOTN	39	BOOSTRIX SUSY	60	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7
betamethasone dipropionate augmented OINT	39	bortezomib SOLR IJ	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
betamethasone valerate CREA	39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	25	buprenorphine PTWK	7
betamethasone valerate FOAM ...	39	bosentan TABS 125 MG	32	bupropion hcl (smoking deterrent)	59
betamethasone valerate LOTN	39	bosentan TABS 62.5 MG	32	bupropion hcl TABS	13
betamethasone valerate OINT	39	bosentan TBSO 32 MG	32	bupropion hcl TB12	13
BETASERON KIT	59	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG	13
betaxolol hcl (ophth) SOLN	55	BREO ELLIPTA 50 MCG/INH-25 MCG/INH	10	buspirone hcl 5 MG	8
betaxolol hcl	31	BREZTRI AEROSPHERE	10	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8
bethanechol chloride 25 MG	62	brimonidine tartrate (topical)	41	busulfan SOLN	23
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	62	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	56	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5
bexarotene (topical)	37	brimonidine tartrate-timolol maleate . 55	55	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	5
bexarotene	26	brinzolamide	56	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
BEXSERO 0.5 ML	62	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...	12	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
BEYFORTUS	57	bromfenac sodium (ophth)	57	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
bicalutamide	24	bromocriptine mesylate CAPS	27	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5
		bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	27	budesonide (inhalation) SUSP	10

butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	7	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	cefaclor CAPS	33
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	7	capecitabine	23	cefaclor SUSR 250 MG/5ML	33
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	CAPRELSA	25	cefadroxil CAPS	33
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	7	captopril 12.5 MG	19	cefadroxil SUSR	33
butenafine hcl	36	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG ..	19	cefadroxil TABS	33
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	CAPVAXIVE	62	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	33
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML ..	7	carbamazepine CHEW 100 MG ...	12	cefdinir CAPS	33
CABENUVA	29	carbamazepine CP12 100 MG	12	cefdinir SUSR	33
cabergoline	44	carbamazepine CP12 200 MG	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	33
CABOMETYX TABS	25	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefixime CAPS	33
calcipotriene CREA	38	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefixime SUSR	33
calcipotriene OINT	38	carbamazepine SUSP	12	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	33
calcipotriene SOLN	38	carbamazepine TABS	12	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	39	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12	cefpodoxime proxetil SUSR	33
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	39	carbamazepine TB12 200 MG	12	cefpodoxime proxetil TABS	33
calcitonin (salmon) NA	42	carbidopa	27	cefprozil SUSR	33
calcitriol (topical)	38	carbidopa-levodopa TABS	27	cefprozil TABS	33
calcitriol CAPS	43	carbidopa-levodopa TBCR	27	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	33
calcitriol SOLN IV	43	carbidopa-levodopa TBDP	27	cefuroxime axetil TABS	33
calcium acetate (phosphate binder) CAPS	45	carbidopa-levodopa-entacapone ..	27	cefuroxime sodium IJ 750 MG	33
calcium acetate (phosphate binder) TABS	45	carbinoxamine maleate SOLN	18	celecoxib	4
calcium chloride (dihydrate) SOLN	52	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18		cephalexin CAPS	33
calcium polycarbophil TABS	48	carisoprodol TABS	55	cephalexin SUSR	33
candesartan cilexetil	19	carmustine	23	CERDELGA	47
		carteolol hcl (ophth)	55	CEREZYME 400 UNIT	47
		carvedilol	31	cetirizine hcl TABS	18
		carvedilol phosphate	31	cevimeline hcl	53
		CAYA DPRH	49	CHEMET	17
		CAYSTON	21	CHEMSTRIP K STRP	41

chloramphenicol sodium succinate 21	ciclopirox SOLN37	36
chlordiazepoxide hcl CAPS9	cidofovir30	clindamycin phosphate (topical) LOTN36
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide61	cilostazol46	clindamycin phosphate (topical) SOLN36
chlordiazepoxide-amitriptyline58	CIMDUO29	clindamycin phosphate (topical) SWAB36
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)53	cimetidine TABS61	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML21
chloroquine phosphate TABS 250 MG22	cinacalcet hcl43	clindamycin phosphate vaginal CREA64
chloroquine phosphate TABS 500 MG22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN56	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)36
chlorpromazine hcl SOLN28	ciprofloxacin hcl (otic)57	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %36
chlorpromazine hcl TABS28	ciprofloxacin hcl TABS 250 MG, 500 MG, 750 MG44	clindamycin phosphate-tretinoin ..36
chlorthalidone 25 MG, 50 MG42	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML . 44	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) .55
chlorzoxazone TABS 500 MG55	ciprofloxacin-dexamethasone57	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...55
chlorzoxazone TABS 750 MG55	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 57	clobazam SUSP11
CHOLBAM45	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...23	clobazam TABS11
cholecalciferol CAPS65	citalopram hydrobromide SOLN ...14	clobetasol propionate CREA 0.05 % . 39
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT65	citalopram hydrobromide TABS ...14	clobetasol propionate emollient base 0.05 %39
cholestyramine light PACK18	clarithromycin SUSR48	clobetasol propionate FOAM39
cholestyramine light POWD18	clarithromycin TABS48	clobetasol propionate GEL 0.05 % 39
cholestyramine PACK18	clarithromycin TB2448	clobetasol propionate OINT 0.05 % 39
cholestyramine POWD18	CLASSIC PRENATAL TABS54	clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 39
choline fenofibrate19	clemastine fumarate SYRP18	clocortolone pivalate39
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 43	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18	clofarabine23
ciclopirox GEL36	CLIMARA PRO44	
ciclopirox olamine CREA36	clindamycin hcl21	
ciclopirox olamine SUSP36	clindamycin palmitate hydrochloride . 21	
ciclopirox SHAM36	clindamycin phosphate (topical) FOAM36	
	clindamycin phosphate (topical) GEL	

clomiphene citrate TABS	43	colestipol hcl TABS	19	MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7
clomipramine hcl	14	COMBIPATCH PTTW	44	MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-
clonazepam TABS	11	COMBIVENT RESPIMAT AERS ..	10	263 MG-11 UNIT-4000 UNIT
clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE)		cyanocobalamin SOLN IJ 1000
clonidine hcl TABS	20	KIT	25	MCG/ML
clonidine PTWK	20	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE)		cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10
clopidogrel bisulfate 300 MG	46	KIT	25	MG
clopidogrel bisulfate 75 MG	47	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE)		cyclophosphamide CAPS
clorazepate dipotassium TABS	9	KIT	25	cyclophosphamide SOLR IJ
clotrimazole (topical) CREA	37	COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10		cycloserine
clotrimazole (topical) SOLN	37	MCG/0.3ML	62	cyclosporine (ophth) EMUL
clotrimazole	53	COMIRNATY SUSP	62	cyclosporine CAPS
clotrimazole vaginal CREA 1 %	64	COMIRNATY SUSY	62	cyclosporine modified (for
clotrimazole w/ betamethasone		COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG		microemulsion) CAPS
CREA	37	(emtricitabine- rilpivirine-tenofovir		cyclosporine modified (for
clotrimazole w/ betamethasone		disoproxil fumarate)	29	microemulsion) SOLN
LOTN	37	CORDRAN TAPE	39	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .
clozapine TABS	28	CORTISPORIN-TC	57	cyproheptadine hcl SYRP
clozapine TBDP 100 MG	28	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY .		cyproheptadine hcl TABS
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG		38		18
28		COSENTYX SENSOREADY (300		CYSTAGON CAPS
clozapine TBDP 25 MG	28	MG) SOAJ	38	CYSTARAN
COARTEM	22	COSENTYX SENSOREADY PEN		57
codeine sulfate TABS 30 MG	5	SOAJ	38	dabigatran etexilate mesylate CAPS .
CODEINE SULFATE TABS	5	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ..		11
colchicine TABS	46	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .		dactinomycin
colchicine w/ probenecid	46	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..		25
colesevelam hcl PACK	19	CREON CPEP	41	dalfampridine
colesevelam hcl TABS	19	CRESEMBA CAPS 186 MG		59
colestipol hcl GRAN	19	cromolyn sodium (ophth)		8
colestipol hcl PACK	19	cromolyn sodium NEBU		9
		crotamiton LOTN		41
		CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6		14
				14
				21

DAPTACEL	60	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	33	DIACOMIT CAPS 500 MG	12
daptomycin 500 MG	21	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	33	DIACOMIT PACK 250 MG	12
darifenacin hydrobromide	61	desonide CREA	39	DIACOMIT PACK 500 MG	12
darunavir TABS	29	desonide LOTN	39	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	12
dasatinib	25	desonide OINT	39	diazepam CONC	9
DAURISMO	24	desoximetasone CREA 0.25 % ...	39	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML	9
decitabine	23	desoximetasone GEL	39	diazepam TABS	9
deferasirox PACK	17	desoximetasone OINT 0.25 % ...	39	diazoxide	15
deferasirox TABS	17	desvenlafaxine succinate	14	diclofenac epolamine PTCH EX ...	37
deferasirox TBSO	17	dexamethasone ELIX	35	diclofenac potassium TABS 50 MG .	4
deflazacort TABS	34	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	35	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	37
DELSTRIGO	29	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	56	diclofenac sodium (ophth)	57
demeclocycline hcl TABS	60	dexamethasone SOLN	35	diclofenac sodium (topical) GEL EX	37
DEPO-ESTRADIOL	44	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	35	diclofenac sodium TB24	4
DEPO-MEDROL SUSP	34	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	35	diclofenac sodium TBEC	4
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	34	dexlansoprazole	61	diclofenac w/ misoprostol TBEC ...	4
DESCOVY 200 MG-25 MG	29	dexamethylphenidate hcl CP24	1	dicloxacillin sodium	58
desipramine hcl TABS	14	dexamethylphenidate hcl TABS	1	dicyclomine hcl CAPS	61
desloratadine TABS	18	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1	dicyclomine hcl SOLN PO	61
desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1	dicyclomine hcl TABS	61
desmopressin acetate SOLN IJ ...	44	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG .	1	DIFFERIN LOTN	36
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	44	DIACOMIT CAPS 250 MG	12	DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin)	49
desmopressin acetate spray	43			diflorasone diacetate CREA	39
desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %	43			diflorasone diacetate OINT	39
desmopressin acetate TABS 0.1 MG 44				diflunisal TABS	5
desmopressin acetate TABS 0.2 MG 44				difluprednate	56
desogestrel & ethinyl estradiol	33			digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML	32
				digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG,	

250 MCG	32	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	18	doxercalciferol CAPS	43
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	51	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxercalciferol SOLN	43
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	51	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25
DILANTIN (phenytoin sodium extended)	13	dipyridamole	47	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	60
DILANTIN	13	disopyramide phosphate CAPS	9	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	60
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13	disulfiram	58	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	60
DILANTIN SUSP (phenytoin)	13	DIURIL SUSP	42	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	60
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	divalproex sodium TB24	13	doxycycline hyclate CAPS	60
diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	31	divalproex sodium TBEC	13	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	60
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	31	docetaxel CONC 20 MG/ML	26	doxycycline pyridoxine TBEC	17
diltiazem hcl CP12	31	docusate calcium	48	dronabinol CAPS	17
diltiazem hcl CP24	31	docusate sodium CAPS 100 MG ..	48	drosiprenone-ethinyl estradiol	33
diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	31	docusate sodium CAPS 250 MG ..	48	drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	33
diltiazem hcl extended release beads 420 MG	31	dofetilide	9	DROXIA CAPS	47
diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	31	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	58	DUAVEE	44
DILTIAZEM HCL SOLR	31	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	58	DULERA	10
diltiazem hcl TABS	31	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	58	duloxetine hcl CPEP	14
diltiazem hcl TB24	31	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 58		DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 40	
dimethyl fumarate CDPK	59	dorzolamide hcl	57	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	40
dimethyl fumarate CPDR	59	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	55	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 40	
DIPENTUM	45	DOVATO	29	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	40
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18		doxazosin mesylate	20	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	49
diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	doxepin hcl (antipruritic)	38	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	49
		doxepin hcl (sleep)	47		
		doxepin hcl CAPS	14		
		doxepin hcl CONC	14		

DUREX TROPICAL MISC	49	EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	50	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11
dutasteride	46	EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	50	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11
dutasteride-tamsulosin hcl	46	EMCYT	24	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11
econazole nitrate CREA	37	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 50	50	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11
EDARBI	19	EMGALITY SOAJ	50	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11
EDURANT	29	EMGALITY SOSY	50	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11
efavirenz CAPS 200 MG	29	EMSAM	13	entacapone	27
efavirenz CAPS 50 MG	29	emtricitabine CAPS	29	entecavir TABS	30
efavirenz TABS	29	emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	29	EPIDIOLEX	12
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	29	epinastine hcl (ophth)	57
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	29	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	65
ELAPRASE	43	EMTRIVA SOLN	29	eplerenone	21
electrolyte-148	52	EMVERM CHEW	8	epoprostenol sodium	32
electrolyte-a	52	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	20	eptifibatide 200 MG/100ML	47
ELESTRIN GEL	44	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	20	EQL PRENATAL FORMULA TABS 54	54
eletriptan hydrobromide	51	enalapril maleate TABS	19	EQUETRO 100 MG	27
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24	ENBREL MINI SOCT	5	EQUETRO 200 MG	27
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	ENBREL SOLN	5	EQUETRO 300 MG	27
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPk	11	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	5	ERBITUX	24
ELIQUIS TABS	11	ENBREL SOSY 50 MG/ML	5	ergocalciferol CAPS	65
ELLA	34	ENBREL SURECLICK SOAJ	5	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	65
ELMIRON CAPS	46	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	62	ergoloid mesylates TABS	59
eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	47	ENGERIX-B SUSY	62	ERGOMAR SUBL	51
eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	47			ergotamine w/ caffeine TABS	51
EMBECTA AUTOSHIELD DUO ..	50			eribulin mesylate	26
EMBECTA PEN NEEDLE NANO ..	50				

ERIVEDGE	24	estradiol TABS	44	exemestane	24
ERLEADA 240 MG	24	estradiol vaginal CREA	64	ezetimibe	19
ERLEADA 60 MG	24	estradiol vaginal TABS	64	ezetimibe-simvastatin	18
erlotinib hcl	24	estradiol valerate	44	famciclovir 125 MG, 250 MG	30
ERTACZO	37	ESTRING RING 7.5 MCG/24HR ..	64	famciclovir 500 MG	30
ertapenem sodium IJ	21	estrogens, conjugated TABS 0.3 MG,		famotidine in nacl SOLN	61
erythromycin (acne aid) PADS	36	0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25		famotidine SUSR	61
erythromycin (acne aid) SOLN	36	MG	44	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	61
erythromycin (ophth)	56	eszopiclone	48	FANAPT	28
erythromycin base CPEP	48	ethacrynic acid	42	FANAPT TITRATION PACK A	28
erythromycin base TABS	48	ethambutol hcl TABS	22	FANTASY LUBRICATED MISC ...	49
erythromycin base TBEC	48	ethosuximide CAPS	13	FANTASY	
erythromycin ethylsuccinate SUSR		ethosuximide SOLN	13	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	
48		ethynodiol diacet & eth estrad	33	49	
erythromycin ethylsuccinate TABS	48	etodolac CAPS	4	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	
escitalopram oxalate SOLN	14	etodolac TABS	4	16
escitalopram oxalate TABS	14	etonogestrel-ethinyl estradiol	34	FASENRA PEN SOAJ	9
eslicarbazepine acetate 200 MG, 400		ETOPOPHOS	26	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	9
MG, 600 MG, 800 MG	12	etoposide CAPS	26	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9
esomeprazole magnesium CPDR 20		etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100		FC2 FEMALE CONDOM	49
MG	61	MG/5ML, 500 MG/25ML	26	febuxostat	46
esomeprazole magnesium CPDR 40		etravirine 100 MG	29	felbamate SUSP	13
MG	61	etravirine 200 MG	29	felbamate TABS 400 MG	13
esomeprazole magnesium TBEC ..	61	EUCRISA	41	felbamate TABS 600 MG	13
estazolam	47	EVAMIST SOLN	44	felodipine	31
esterified estrogens &		everolimus (immunosuppressant)		FEMCAP DEVI	49
methyltestosterone	44	0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	53	FEMLYV TBDP	33
estradiol & norethindrone acetate		everolimus (immunosuppressant) 1		FEMRING	64
TABS	44	MG	53	fenofibrate micronized 43 MG, 130	
estradiol GEL	44	everolimus TABS	25	MG	19
estradiol PTTW	44	EVEXITHROID TABS 180 MG	60	fenofibrate micronized 67 MG, 134	
estradiol PTWK	44	EVOTAZ	29	MG, 200 MG	19

fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	63	fluorouracil (topical) CREA 5 %	37
fenopropfen calcium TABS	4	FLUCELVAX SUSP	63	fluorouracil (topical) SOLN	37
FENSOLVI (6 MONTH) SC	43	FLUCELVAX SUSY	63	fluorouracil 500 MG/10ML	23
fentanyl citrate LPOP	5	fluconazole SUSR	18	fluoxetine hcl CAPS	14
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	fluconazole TABS	18	fluoxetine hcl CPDR	14
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML	47	flucytosine	17	fluoxetine hcl SOLN	14
ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG	47	fludarabine phosphate SOLN	23	fluoxetine hcl TABS	14
ferrous sulfate TBEC 325 MG	47	fludarabine phosphate SOLR	23	fluphenazine hcl CONC	28
fesoterodine fumarate	61	fludrocortisone acetate TABS	35	fluphenazine hcl ELIX	28
FETZIMA CP24	14	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY .	63	fluphenazine hcl SOLN	28
FETZIMA TITRATION C4PK	14	FLULAVAL SUSY	63	fluphenazine hcl TABS	28
fidaxomicin TABS 200 MG	49	FLUMIST	63	flurandrenolide CREA	40
finasteride	46	FLUMIST QUADRIVALENT	63	flurandrenolide LOTN	40
finngolimod hcl	59	flunisolide (nasal)	55	flurazepam hcl	48
FIRMAGON (240 MG DOSE)	24	fluocinolone acetonide (otic)	57	flurbiprofen sodium	57
FIRMAGON 80 MG	24	fluocinolone acetonide CREA 0.01 %	39	flurbiprofen TABS	4
flavoxate hcl	62	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	39	fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT	10
flecainide acetate	9	fluocinolone acetonide OIL	39	fluticasone furoate-vilanterol	10
floxuridine	23	fluocinolone acetonide OINT	39	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	10
FLUAD	62	fluocinolone acetonide SOLN	40	fluticasone propionate (nasal) SUSP .	55
FLUAD QUADRIVALENT	62	fluocinonide CREA 0.05 %	40	fluticasone propionate CREA 0.05 %	40
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	62	fluocinonide CREA 0.1 %	40	fluticasone propionate hfa	10
FLUARIX SUSY	63	fluocinonide emulsified base	40	fluticasone propionate LOTN	40
FLUBLOK QUADRIVALENT	63	fluocinonide GEL	40	fluticasone propionate OINT	40
FLUBLOK SOSY	63	fluocinonide OINT	40	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	63	fluocinonide SOLN	40		
		fluorometholone (ophth) SUSP	56		

fluticasone-salmeterol AEPB 113 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 232 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 55 MCG/ACT-14 MCG/ACT10	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide 20	GAMUNEX-C 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 57
fluticasone-salmeterol AERO 10	fosinopril sodium 19	GAMUNEX-C 40 GM/400ML 57
fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19	fosphenytoin sodium 13	ganciclovir sodium SOLR30
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19	FRAGMIN SOSY11	ganirelix acetate43
fluvoxamine maleate TABS 14	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER 50	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML 63
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT63	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR 50	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML 63
FLUZONE HIGH-DOSE SUSY63	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR 50	gatifloxacin (ophth)56
FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 63	FREESTYLE LIBRE 2 READER ..50	gefitinib 24
FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 63	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..50	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG 23
FLUZONE SUSP63	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR 50	gemfibrozil TABS19
FLUZONE SUSY63	FREESTYLE LIBRE 3 READER ..50	GENOTROPIN CART SC 43
FML FORTE SUSP56	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..50	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 43
folic acid TABS47	FREESTYLE LIBRE READER ...50	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %2
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	frovatriptan succinate 51	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..56
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	FT PRENATAL TABS54	gentamicin sulfate (topical) CREA .36
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11	fulvestrant SOSY24	gentamicin sulfate (topical) OINT ..36
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11	furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML 42	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML 2
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST41	furosemide TABS42	GENVOYA 29
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON41	FUZEON SOLR29	GILOTRIF 24
formoterol fumarate NEBU10	gabapentin CAPS12	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 59
FOSAMAX PLUS D 42	gabapentin SOLN12	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 59
fosamprenavir calcium TABS29	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12	GLEOSTINE 10 MG (lomustine) .. 23
fosfomycin tromethamine 22	galantamine hydrobromide CP24 ..58	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (lomustine) 23
	galantamine hydrobromide SOLN .58	glimepiride 1 MG, 2 MG16
	galantamine hydrobromide TABS .58	glimepiride 4 MG16

glipizide TABS 5 MG, 10 MG	16	guanfacine hcl (adhd)	1	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	3
glipizide TB24	16	guanfacine hcl	20	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	3
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	15	GYNAZOLE-1	64	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	3
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	14	HAEGARDA SOLR SC	46	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	3
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	41	halcinonide CREA	40	HUMIRA-PSORIASIS/UVEIT STARTER AJKT	3
glucagon SOLR IJ 1 MG	15	halobetasol propionate CREA	40	HUMIRA-PSORIASIS/UVEIT STARTER AJKT	3
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	16	halobetasol propionate OINT	40	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16
glyburide TABS	16	HALOG OINT	40	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16
glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15	haloperidol decanoate	28	HYCAMTIN CAPS	27
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15	haloperidol lactate CONC	28	hydralazine hcl SOLN	21
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	46	haloperidol lactate SOLN	28	hydralazine hcl TABS	21
glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 61		haloperidol TABS	28	hydrochlorothiazide CAPS	42
glycopyrrolate TABS 1 MG	61	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	63	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 42	
glycopyrrolate TABS 2 MG	61	HEALON PRO SOSY	56	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	42
GLYXAMBI	15	HEMANGEOL SOLN PO	31	hydrocodone bitartrate CP12	5
GNP PRENATAL TABS	54	HEMATINIC/FOLIC ACID	47	hydrocodone bitartrate T24A	5
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	54	HEPARIN (PORCINE) IN NAACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER	.35
GOHIBIC	46	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	7
GOJJI BLOOD KETONE TEST ...	41	HEPLISAV-B SOSY	63	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	7
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	HIBERIX SOLR IJ	62	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	7
granisetron hcl TABS	17	HUMATROPE CART IJ	43		
GRASTEK SUBL	2	HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	3		
griseofulvin microsize SUSP	17	HUMIRA (2 PEN) AJKT	3		
griseofulvin microsize TABS	17	HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	3		
griseofulvin ultramicrosize	17	HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3		

hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	6	imipramine hcl TABS	14
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22		imipramine pamoate	14
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	7	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22		imiquimod 5 %	41
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22		IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	51
hydrocortisone (intrarectal)	8	hydroxyurea	26	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	51
hydrocortisone (rectal) EX	8	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	INCRELEX	43
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	40	hydroxyzine hcl SYRP	8	INCRUSE ELLIPTA	9
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 40		hydroxyzine hcl TABS	8	indapamide TABS 1.25 MG	42
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	40	hydroxyzine pamoate CAPS	8	indapamide TABS 2.5 MG	42
hydrocortisone acetate (rectal)	8	HYPERSAL NEBU	35	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	
hydrocortisone butyrate CREA	40	HYQVIA	57	indomethacin CPCR	4
hydrocortisone butyrate OINT	40	ibandronate sodium SOLN	42	INFANRIX	60
hydrocortisone butyrate SOLN	40	ibandronate sodium TABS	42	INFLECTRA SOLR	45
hydrocortisone sod succinate 100 MG	35	IBRANCE CAPS	25	INLYTA	23
hydrocortisone TABS	35	IBRANCE TABS	25	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 16	
hydrocortisone vaginal	64	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML	4	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 16	
hydrocortisone valerate CREA	40	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	4	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	16
hydrocortisone valerate OINT	40	ibuprofen TABS 800 MG	4	INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	16
hydrocortisone w/acetic acid	57	icatibant acetate SOSY	46	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	16
hydromorphone hcl LIQD	6	ICLUSIG	25	INSULIN LISPRO SOLN IJ	16
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 6		icosapent ethyl 1 GM	18	INTELENCE 25 MG	29
hydromorphone hcl TABS	6	idarubicin hcl 20 MG/20ML	25	IONOSOL-MB IN D5W	52
hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	6	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	25	IPOL IJ	63
		ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 55	
		ifosfamide SOLR	23	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	
		imatinib mesylate TABS	25		

55	JAKAFI	25	MISC	49
ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	JANUMET TABS	15	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC .	49
ipratropium-albuterol SOLN	JANUMET XR TB24 1000 MG-100		KIMONO MISC	49
irbesartan	MG	15	KIMONO PLUS MISC	49
irbesartan-hydrochlorothiazide	JANUMET XR TB24 1000 MG-50		KIMONO PS MISC	49
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100	MG, 500 MG-50 MG	15	KIMONO PS PLUS MISC	49
MG/5ML	JANUVIA	15	KIMONO SENSATION MISC	49
irrigation solutions, physiological .	JARDIANCE	16	KIMONO SENSATION PLUS MISC	
ISENTRESS CHEW	JULUCA	29	49	
ISENTRESS HD TABS	JYNNEOS	63	KIMONO SPECIAL DEVI	49
ISENTRESS TABS	KALETRA SOLN	29	KINRIX SUSY	60
ISOLYTE-P IN D5W	KALYDECO TABS	59	KISQALI (200 MG DOSE)	25
ISOLYTE-S	KAMELEON LUBRICATED MISC .	49	KISQALI (400 MG DOSE)	25
isoniazid SOLN	KANJINTI	24	KISQALI (600 MG DOSE)	25
isoniazid SYRP	KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40		KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) .	25
isoniazid TABS	MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in		25	
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	dextrose & sodium chloride)	52	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) .	25
MG, 20 MG, 30 MG	KCL-LACTATED RINGERS-D5W	52	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) .	25
isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	ketoconazole (topical) CREA	37	25	
32	ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	37	KP PRENATAL MULTIVITAMINS	
isosorbide mononitrate TABS	ketoconazole	18	TABS	54
isosorbide mononitrate TB24	KETONE TEST STRP	41	KRINTAFEL	22
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	ketoprofen CAPS 50 MG	4	KYLEENA	34
40 MG	ketorolac tromethamine (ophth) ...	57	KYPROLIS	25
isradipine CAPS	ketorolac tromethamine TABS	4	labetalol hcl SOLN	31
itraconazole CAPS	KETOSTIX STRP	41	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	31
itraconazole SOLN	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %		31	
ivabradine hcl TABS	57		labetalol hcl TABS 300 MG	31
ivermectin (pediculicide)	KEVZARA SOAJ	4	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50	
ivermectin	KEVZARA SOSY	4	MG/5ML, 100 MG/10ML	12
IXEMPRA KIT 15 MG	KIMONO COLORS DEVI	49	lacosamide TABS	12
	KIMONO MAXX-LARGE FLARE			

lactated ringer's (irrigation)	53	LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) ..23	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG .	44
lactic acid (ammonium lactate) CREA	40	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) ..23	levofloxacin TABS 500 MG	44
.....	40	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) ..23	levonorgestrel & eth estradiol TABS	33
lactic acid (ammonium lactate) LOTN	40	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) ..24	levonorgestrel (emergency oc) 1.5	
12 %	40	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) ..24	MG	34
lactulose (encephalopathy)	45	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..24	levonorgestrel-eth estradiol	
lactulose SOLN	48	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..24	(triphasic)	33
lamivudine (hbv) TABS	30	letrozole	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-	
lamivudine SOLN	29	leucovorin calcium SOLR	day) 0.03 MG-0.15 MG	33
lamivudine TABS 150 MG	29	leucovorin calcium TABS	levonorgestrel-ethinyl estradiol	
lamivudine TABS 300 MG	29	LEUKERAN	(continuous)	33
lamivudine-zidovudine	29	LEUKINE SOLR IJ	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron	
lamotrigine CHEW 25 MG	12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	34	
lamotrigine CHEW 5 MG	12	levorphanol tartrate TABS 2 MG	6
lamotrigine TABS	12	levabuterol hcl	levothyroxine sodium TABS	60
lamotrigine TBDP	12	levabuterol tartrate	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	53
LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	32	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	53
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125		12	lidocaine hcl GEL 2 %	41
MCG, 250 MCG (digoxin)	32	levetiracetam TABS 1000 MG	lidocaine hcl PRSY	41
lansoprazole CPDR 15 MG	61	12	lidocaine hcl SOLN	41
lansoprazole CPDR 30 MG	61	levetiracetam TABS 250 MG, 750	lidocaine PTCH 5 %	41
lanthanum carbonate CHEW	45	MG	lidocaine-prilocaine CREA	41
lapatinib ditosylate	25	12	LILETTA (52 MG)	34
LASTACAFT	57	levetiracetam TABS 500 MG	lincomycin hcl	21
latanoprost SOLN	57	12	linezolid SUSR	22
leflunomide	5	levobunolol hcl 0.5 %	linezolid TABS	22
LEMTRADA	59	18	LINZESS	45
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,		levocetirizine dihydrochloride SOLN	liothyronine sodium SOLN	60
15 MG, 25 MG	53	18	liothyronine sodium TABS	60
lenalidomide 20 MG	53	levofloxacin (ophth) 0.5 %	liraglutide	15
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) ..23		56		
		levofloxacin in d5w 500 MG/100ML		
		44		
		levofloxacin SOLN PO		
		44		

MENEST 2.5 MG44	methadone hcl TABS 10 MG6	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG2
MENOSTAR PTWK44	methadone hcl TABS 5 MG6	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG2
MENQUADFI 0.5 ML62	methadone hcl TBSO6	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG2
MENVEO SOLN62	methamphetamine hcl1	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG2
MENVEO SOLR62	methazolamide TABS42	methylphenidate PTCH2
meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML6	methenamine hippurate22	methylprednisolone acetate SUSP 35
meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML6	methimazole TABS60	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG35
meperidine hcl TABS 50 MG6	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG55	methylprednisolone TABS35
meprobamate8	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML23	methylprednisolone TBPK35
mercaptapurine TABS23	methotrexate sodium SOLR23	methyltestosterone TABS8
mesalamine CP2445	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML45
mesalamine CPDR45	methoxsalen rapid38	metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML45
mesalamine ENEM45	methscopolamine bromide61	metoclopramide hcl TABS45
mesalamine SUPP45	methsuximide13	metolazone42
mesalamine TBEC 1.2 GM45	methyldopa TABS20	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG20
mesalamine TBEC 800 MG45	methylphenidate hcl CHEW 10 MG .1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG20
metaxalone 800 MG55	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 1	metoprolol succinate TB24 200 MG 31
metformin hcl TABS 1000 MG15	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG31
metformin hcl TABS 500 MG15	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG1	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML31
metformin hcl TABS 850 MG15	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..1	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG31
metformin hcl TB24 500 MG15	methylphenidate hcl CP241	metronidazole (topical) CREA41
metformin hcl TB24 750 MG15	methylphenidate hcl CPCR2	
methadone hcl CONC6	methylphenidate hcl SOLN2	
METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)6	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG2	
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .6	methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2	
methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML6	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG2	
methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML 6		

metronidazole (topical) GEL 0.75 % 41	MODERNA COVID-19 BIVALENT 63	MRESVIA 63
metronidazole (topical) GEL 1 % .. 41	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP 63	MULTI PRENATAL TABS 54
metronidazole (topical) LOTN 41	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY 63	mupirocin OINT 36
metronidazole TABS 250 MG, 500 MG 21	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP 63	MVASI 24
metronidazole vaginal 64	moexipril hcl 19	MYALEPT 43
mexiletine hcl 9	mometasone furoate (nasal) SUSP 55	mycophenolate mofetil CAPS 53
miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 64	mometasone furoate CREA 40	mycophenolate mofetil TABS 53
midodrine hcl 65	mometasone furoate OINT 40	mycophenolate sodium 53
miglitol 14	mometasone furoate SOLN 40	MYLERAN TABS 23
miglustat 47	montelukast sodium CHEW 9	nabumetone 4
minocycline hcl CAPS 60	montelukast sodium PACK 9	nadolol TABS 20 MG 31
minocycline hcl TABS 60	montelukast sodium TABS 9	nadolol TABS 40 MG 31
minoxidil 2.5 MG, 10 MG 21	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 6	nadolol TABS 80 MG 31
mirabegron TB24 62	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML 6	nafcillin sodium IV 10 GM 58
MIRCERA 47	morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML 6	naftifine hcl CREA 1 % 37
MIRENA (52 MG) 34	morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML 6	naftifine hcl CREA 2 % 37
mirtazapine TABS 13	morphine sulfate TABS 6	naloxone hcl LIQD 17
mirtazapine TBDP 13	morphine sulfate TBCR 6	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML 17
misoprostol 61	MOTOFEN 16	naltrexone hcl 17
mitomycin SOLR IV 20 MG 25	MOVANTIK 45	naproxen sodium TABS 550 MG ... 4
mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML .. 25	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 56	naproxen SUSP 4
MIUDELLA INTRAUTERINE COPPER 34	moxifloxacin hcl in sodium chloride 44	naproxen TABS 4
M-M-R II SOLR 63	moxifloxacin hcl TABS 44	naproxen TBEC 500 MG 4
M-NATAL PLUS TABS 54		naratriptan hcl 51
MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 63		NATACYN 56
modafinil 100 MG 2		NATAZIA 34
modafinil 200 MG 2		nateglinide 16
		NAYZILAM 12
		nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 31

neбиволол hcl 20 MG	31	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,	100 MG	22
NEBUSAL NEBU	35	niacin CPCR 250 MG, 500 MG ...	65	nitrofurantoin monohyd macro	22	
nefazodone hcl	14	NIACIN ER TBCR	65	nitroglycerin (intra-anal)	8	
nelarabine	23	niacin TABS	65	nitroglycerin CPCR	8	
neomycin sulfate TABS	2	niacin TBCR	65	nitroglycerin PT24	8	
neomycin-bacitracin zn-polymyxin	56	niacinamide TABS 100 MG	65	NITROGLYCERIN SOLN IV	8	
neomycin-polymy-dexameth OINT	56	niacinamide TABS 500 MG	65	nitroglycerin SUBL	8	
neomycin-polymy-dexameth SUSP		nicardipine hcl CAPS	31	NIVA-PLUS TABS	54	
0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML,		nicardipine hcl SOLN	31	nizatidine CAPS	61	
0.1 %	56	NICOTINE KIT	59	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30		
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	56	nicotine polacrilex GUM	59	MG/3ML	43	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	57	nicotine polacrilex LOZG	59	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5		
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	57	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14		MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15		
NEONATAL COMPLETE TABS 120		MG/24HR, 21 MG/24HR	59	MG/1.5ML	43	
MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10		NICOTROL INHA	59	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	34	
MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-		NICOTROL NS SOLN	59	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	34	
27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2		nifedipine CAPS 10 MG	31	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	34	
MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	54	nifedipine CAPS 20 MG	31	norethin acet & estrad-fe TABS 1		
NEONATAL PLUS TABS	54	nifedipine TB24 30 MG	31	MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30		
NEONATAL PRENATAL TABS ...	54	nifedipine TB24 60 MG	31	MCG-75 MG	34	
NEONATAL VITAMIN TABS	54	nifedipine TB24 90 MG	31	norethindrone & eth estradiol	34	
neostigmine methylsulfate SOSY ..	22	nifedipine TB24	31	norethindrone & ethinyl estradiol-fe		
NEO-SYNALAR	36	nilutamide	25	34		
NEUPRO	27	nimodipine CAPS	31	norethindrone (contraceptive)	34	
NEVANAC	57	NIPENT	26	norethindrone acet & eth estra TABS		
nevirapine SUSP	29	nisoldipine	32	34		
nevirapine TABS	29	nitazoxanide TABS	21	norethindrone acetate TABS	58	
nevirapine TB24 400 MG	29	nitisinone CAPS	43	norethindrone acetate-ethinyl		
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	61	NITRO-BID OINT	8	estradiol	44	
NEXPLANON	34	nitrofurantoin	22	norethindrone acetate-ethinyl		
NEXTSTELLIS	34			estradiol-fe	34	

norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	34	NUEDEXTA	59	olopatadine hcl 0.1 %	57
norgestimate-ethinyl estradiol	34	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE		olopatadine hcl 0.2 %	57
norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	34	SUSY 5 MCG/0.5ML	64	omega-3-acid ethyl esters	18
NORMOSOL-M IN D5W	52	nystatin (mouth-throat)	53	omeprazole CPDR	61
NORMOSOL-R PH 7.4	52	nystatin (topical) CREA	37	omeprazole magnesium CPDR	61
nortriptyline hcl CAPS	14	nystatin (topical) OINT	37	omeprazole TBEC	61
nortriptyline hcl SOLN	14	nystatin (topical) POWD EX	37	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	61
NORVIR CAPS	29	nystatin TABS	17	OMNIFLEX DIAPHRAGM	49
NORVIR PACK	29	nystatin-triamcinolone CREA	37	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST 41		nystatin-triamcinolone OINT	37	ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	17
NOVAREL IM 10000 UNIT	43	NYVEPRIA	47	ondansetron hcl SOSY	17
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	64	octreotide acetate SOLN	44	ondansetron hcl TABS 24 MG	17
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	64	ODEFSEY	29	ondansetron hcl TABS 4 MG	17
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 8 MG	17
NOVOLIN 70/30 SUSP	16	OFEV	60	ondansetron TBDP 4 MG	17
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	ofloxacin (ophth)	56	ondansetron TBDP 8 MG	17
NOVOLIN N SUSP	16	ofloxacin (otic)	57	ONE VITE WOMENS PLUS TABS 54	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	16	ofloxacin 300 MG, 400 MG	44	ONE VITE WOMENS TABS	54
NOVOLIN R SOLN IJ	16	OGIVRI	24	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	50
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	16	olanzapine SOLR	28	OPILL	34
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	16	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG	28	ORENITRAM TBCR	32
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	16	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	28	ORGOVYX	25
NOVOLOG PENFILL SOCT	16	olanzapine TBDP 20 MG	28	ORLISSA	43
NOVOLOG SOLN IJ	16	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	28	ORKAMBI PACK	59
NP THYROID TABS	60	olmesartan medoxomil	20	ORKAMBI TABS	59
NUBEQA	25	olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI TABS	59
		olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide	20	ORLADEYO	46
		olopatadine hcl (nasal)	55	orphenadrine citrate TB12	55

oseltamivir phosphate CAPS	30	325 MG-2.5 MG	7	pediatric multivitamins w/fl CHEW	54
oseltamivir phosphate SUSR	30	oxymorphone hcl TABS	6	PEDVAX HIB SUSP	62
OSPHENA	43	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	48
OTEZLA TABS	5	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	6	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfat SOLR 236 GM	48
OTEZLA TBPk	5	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	15	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	48
OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	5	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	15	PEGASYS SOLN	30
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk	5	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...	15	PEGASYS SOSY	30
OTREXUP SOAJ 10 MG/0.4ML, 12.5 MG/0.4ML, 15 MG/0.4ML, 17.5 MG/0.4ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.4ML, 25 MG/0.4ML	2	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	27	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23	
oxacillin sodium IV 10 GM	58	paclitaxel protein-bound particles ..	27	PENBRAYA	62
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23	paliperidone	28	penciclovir	38
oxaprozin TABS	4	palonosetron hcl SOLN	17	penicillamine CAPS	52
oxazepam CAPS	9	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	43	penicillamine TABS	52
oxcarbazepine SUSP	12	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 43		PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML ..	58
oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12	PANRETIN	37	penicillin g potassium 5000000 UNIT 58	
oxcarbazepine TABS 600 MG	12	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 61		penicillin g sodium	58
oxiconazole nitrate CREA	37	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 61		penicillin v potassium SOLR	58
OXISTAT LOTN	37	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER	34	penicillin v potassium TABS	58
oxybutynin chloride SOLN	61	paricalcitol CAPS	43	PENMENVY SUSR IM	62
oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	61	paricalcitol SOLN	43	PENTACEL	60
oxybutynin chloride TB24	61	paroxetine hcl SUSP	14	pentamidine isethionate IN	21
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6	paroxetine hcl TABS	14	pentazocine w/ naloxone hcl	7
oxycodone hcl TABS	6	paroxetine hcl TB24	14	pentoxifylline	46
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	pazopanib hcl	26	perampanel TABS 2 MG	11
oxycodone w/ acetaminophen TABS		PEDIARIX SUSY	60	perampanel TABS 4 MG	11
				perampanel TABS 6 MG	11

perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	PHEXXI	64	PNEUMOVAX 23 SOSY	62
perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .	19	PHOTOFRIN	26	podofilox SOLN	41
perindopril erbumine 4 MG	19	PIFELTRO	29	polymyxin b-trimethoprim	56
permethrin CREA	41	pilocarpine hcl (oral)	53	POMALYST	25
permethrin LIQD EX	41	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % .	56	posaconazole SUSP	18
perphenazine TABS	28	pimecrolimus	41	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML .	52
perphenazine-amitriptyline	58	pimozide	59	potassium bicarbonate TBEF	52
PERSERIS PRSY	28	pindolol TABS	31	potassium chloride CPCR	52
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT .	64	pioglitazone hcl	16	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 % , 5 %-20 MEQ/L-0.45 % , 5 %-20 MEQ/L-0.9 % , 5 %-30 MEQ/L-0.45 % , 5 %-40 MEQ/L-0.45 % , 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	52
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	64	pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L	52
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	64	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS .	15	potassium chloride microencapsulated crystals er	52
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	64	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .	26	potassium chloride PACK PO 20 MEQ	52
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	64	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .	26	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	52
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG	46	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .	26	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	52
phendimetrazine tartrate TABS	1	pirfenidone CAPS	60	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	52
phenelzine sulfate	13	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG	60	potassium citrate (alkalinizer) TBCR .	46
phenobarbital ELIX	47	pirfenidone TABS 534 MG	60	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML	52
phenobarbital TABS	47	piroxicam CAPS	4	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	36
phenoxybenzamine hcl	19	PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	52	pralatrexate 20 MG/ML	23
phentermine hcl CAPS	1	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	52		
phenytoin CHEW	13	PLEGRIDY SOAJ	59		
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLEGRIDY SOSY SC	59		
phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ .	59		
phenytoin SUSP	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	59		
PHEXX	64	PNEUMOVAX 23 SOLN	62		

pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	27	PREHEVBRIO	64	primaquine phosphate TABS	22
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	27	PREMARIN	64	primidone 50 MG, 250 MG	13
prasugrel hcl	47	PREMARIN SOLR	44	PRIORIX SUSR	64
pravastatin sodium	19	PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)	44	PROAIR DIGIHALER	10
praziquantel	8	PREMPHASE	44	PROAIR RESPICLICK AEPB	10
prazosin hcl CAPS	20	PREMPRO	44	probenecid	46
PRECISION XTRA KETONE	41	PRENATAL ONE DAILY TABS	54	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 9	
PRED MILD	56	PRENATAL PLUS TABS	54	prochlorperazine	28
prednisolone acetate (ophth)	56	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	54	prochlorperazine maleate TABS	28
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	56	PRENATAL TABS	54	progesterone CAPS	58
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	35	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	54	PROGRAF PACK	53
prednisolone sodium phosphate TBDP	35	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	54	PROGRAF SOLN 5 MG/ML (tacrolimus)	53
prednisolone SOLN	35	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG- 25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	54	PROLASTIN-C SOLN	59
prednisolone TABS	35	PRENATRIX TABS	54	PROLASTIN-C SOLR	59
prednisone SOLN	35	PRENATRYL TABS	54	PROLEUKIN	26
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	35	PREVNAR 13	62	PROLIA SOSY	43
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	35	PREVNAR 20	62	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18
prednisone TBPK	35	PREZCOBIX	29	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	59	PREZISTA SUSP	29	promethazine hcl TABS	18
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	59	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	29	propafenone hcl CP12	9
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PRIFTIN	23	propafenone hcl TABS	9
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12			proparacaine hcl	56
pregabalin SOLN	13			propranolol hcl CP24	31

protriptyline hcl	14	QUZYTIR SOLN IV	18	RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	41
PROVISC SOSY	56	QVAR REDIHALER	10	RENFLEXIS	45
prucalopride succinate	45	rabeprazole sodium TBEC	61	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16
PULMICORT FLEXHALER AEPB .	10	raloxifene hcl	43	repaglinide 2 MG	16
PULMOZYME	59	ramelteon	48	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19
pyrazinamide	23	ramipril CAPS	19	REPATHA SOSY	19
pyridostigmine bromide SOLN PO .	22	ranitidine hcl TABS 150 MG, 300 MG	61	REPATHA SURECLICK SOAJ	19
pyridostigmine bromide TABS 60 MG	22	ranolazine TB12 1000 MG	8	RETACRIT	47
pyridostigmine bromide TBCR	22	ranolazine TB12 500 MG	8	RETROVIR SOLN	29
pyrimethamine	22	rasagiline mesylate	27	REXULTI	28
PYZCHIVA 130 MG/26ML	45	RASUVO SOAJ 7.5 MG/0.15ML, 10 MG/0.2ML, 12.5 MG/0.25ML, 15 MG/0.3ML, 17.5 MG/0.35ML, 20 MG/0.4ML, 22.5 MG/0.45ML, 25 MG/0.5ML, 30 MG/0.6ML	2	REZVOGLAR KWIKPEN	16
PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	38	REALITY LATEX CONDOMS MISC .	49	ribavirin (hepatitis c) CAPS	30
PYZCHIVA 90 MG/ML	38	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	49	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG	30
PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	38	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	49	RIDAURA	4
QC PRENATAL TABS	54	REBIF REBIDOSE SOAJ	59	rifabutin	23
QUADRACEL SUSP	60	REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	59	rifampin CAPS	23
QUADRACEL SUSY	60	REBIF SOSY	59	rifampin SOLR	23
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG	28	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	59	riluzole TABS	55
quetiapine fumarate TB24	28	RECOMBIVAX HB SUSP	64	rimantadine hydrochloride TABS ..	30
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19	RECOMBIVAX HB SUSY	64	ringer's	52
quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19	RELENZA DISKHALER	30	ringer's irrigation	53
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	20	RELION KETONE TEST STRP ...	41	RINVOQ LQ SOLN	2
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	20	RELION LANCET DEVICES 30G	50	RINVOQ TB24	2
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG	20	RELION LANCETS	50	risedronate sodium TABS 150 MG	43
quinidine sulfate TABS	9			risedronate sodium TABS 35 MG	43
quinine sulfate CAPS 324 MG	22			risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	43
				risedronate sodium TBEC	43

risperidone microspheres	28	SANTYL OINT	40	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	3
risperidone SOLN	28	SAVELLA TABS	58	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	3
risperidone TABS	28	SAVELLA TITRATION PACK MISC	58	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	3
risperidone TBDP	28			SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	3
ritonavir TABS	30	saxagliptin hcl	15	SIMPONI ARIA SOLN	3
rivaroxaban SUSR 1 MG/ML	11	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG	15	SIMULECT	53
rivaroxaban TABS 2.5 MG	11	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15	simvastatin TABS	19
rivastigmine tartrate CAPS	58	scopolamine	17	sirolimus TABS	53
rizatriptan benzoate TABS 10 MG	51	SELECT INSULIN SYRINGES	50	SIRTURO	23
rizatriptan benzoate TABS 5 MG	51	SELECT LANCETS	50	SKYLA	34
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	51	selegiline hcl CAPS	27	SKYRIZI PEN SOAJ	38
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	51	selegiline hcl TABS	27	SKYRIZI SOCT	45
roflumilast	9	selenium sulfide LOTN 2.5 %	38	SKYRIZI SOLN	45
romidepsin SOLR	26	SELZENTRY SOLN	30	SKYRIZI SOSY	38
ropinirole hydrochloride TABS	27	SEREVENT DISKUS	10	SLYND	34
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	27	sertraline hcl CONC	14	SM PRENATAL VITAMINS TABS	54
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	27	sertraline hcl TABS	14	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	52
rosuvastatin calcium TABS	19	sevelamer carbonate PACK	45	sodium acetate SOLN	52
ROTARIX SUSP	64	sevelamer carbonate TABS	46	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	46
ROTATEQ SOLN	64	SHINGRIX	64	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	35
ROZLYTREK CAPS	26	SIGNIFOR	44	sodium citrate & citric acid	46
RUBRACA	26	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	32	sodium fluoride CHEW	52
rufinamide SUSP	13	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	32	sodium phenylbutyrate POWD	43
rufinamide TABS 200 MG	13	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	32	sodium phenylbutyrate TABS	43
rufinamide TABS 400 MG	13	sildenafil citrate	32	sodium polystyrene sulfonate POWD	53
RUXIENCE	24	silodosin	46	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	53
RYBELSUS TABS	15	silver sulfadiazine	38	sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	48
sacubitril-valsartan TABS	32				
salsalate	5				

SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	30	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	38	SULFAMYLLON CREA	39
solifenacin succinate TABS	61	STELARA SOSY 90 MG/ML	38	sulfasalazine TABS	45
SOLIQUA	15	STEQEYMA	45	sulfasalazine TBEC	45
SOLU-CORTEF 250 MG	35	STEQEYMA 45 MG/0.5ML	38	sulindac TABS	5
SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG 35		STEQEYMA 90 MG/ML	38	sumatriptan	51
SOLU-MEDROL 2 GM	35	STIOLTO RESPIMAT	10	sumatriptan succinate SOAJ	51
sorafenib tosylate	26	STIVARGA	26	sumatriptan succinate SOCT	51
SORBITOL 3 %	46	STRENSIQ	43	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	51
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	46	streptomycin sulfate SOLR	2	sumatriptan succinate TABS	51
sotalol hcl (afib/af)	31	STRIBILD	30	sumatriptan-naproxen sodium	51
sotalol hcl TABS 240 MG	31	STRIVERDI RESPIMAT	10	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	31	sucrafate SUSP	61	sunitinib malate 37.5 MG	26
SOVALDI TABS 200 MG	30	sucrafate TABS	61	SUNOSI 150 MG	1
SOVALDI TABS 400 MG	30	sulconazole nitrate CREA	37	SUNOSI 75 MG	1
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	64	sulconazole nitrate SOLN	37	SYMTUZA	30
SPIKEVAX SUSP	64	sulfacetamide sodium (acne)	36	SYNAREL	43
SPIKEVAX SUSY	64	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 56		SYNJARDY TABS	15
spinosad	41	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	36	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	36	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15
spironolactone & hydrochlorothiazide	42	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	36	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	60
spironolactone TABS	42	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	56	TABLOID	23
SPRAVATO (56 MG DOSE)	14	sulfadiazine TABS	60	tacrolimus (topical) OINT	41
SPRAVATO (84 MG DOSE)	14	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	tacrolimus CAPS	53
stannous fluoride CONC	53	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	53
STELARA 130 MG/26ML	45	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tadalafil (pulmonary hypertension) TABs	32
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	38				

tadalafil 5 MG	32	terazosin hcl	20	timolol maleate (ophth) SOLN	55
TAFINLAR CAPS	26	terbinafine hcl TABS	18	timolol maleate TABS	31
TAFINLAR TBSO	26	terbutaline sulfate SOLN	10	tinidazole	21
tafluprost	57	terbutaline sulfate TABS	10	tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG	9
TAGRISSO 40 MG	24	terconazole vaginal CREA	64	TIVICAY PD TBSO	30
TAGRISSO 80 MG	24	terconazole vaginal SUPP	64	TIVICAY TABS 50 MG	30
TAKHZYRO SOLN	46	teriflunomide	59	tizanidine hcl CAPS	55
TAKHZYRO SOSY	46	teriparatide SOPN	43	tizanidine hcl TABS	55
TALZENNA	26	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	8	tobramycin (ophth) SOLN	56
tamoxifen citrate TABS	25	testosterone cypionate SOLN IM ...	8	tobramycin NEBU	2
tamsulosin hcl	46	testosterone enanthate SOLN IM ...	8	tobramycin-dexamethasone SUSP 56	
tavaborole	37	TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	60	TODAY SPONGE MISC	64
tazarotene CREA 0.1 %	38	tetrabenazine	58	tolcapone	27
TAZVERIK	26	tetracycline hcl CAPS	60	tolmetin sodium CAPS	5
TDVAX SUSP	60	THALOMID	53	tolmetin sodium TABS 600 MG	5
TEFLARO	33	theophylline ELIX	10	TOLSURA CAPS	18
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 13		theophylline SOLN	10	tolterodine tartrate CP24	62
TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 13		theophylline TB12	10	tolterodine tartrate TABS	62
telmisartan	20	theophylline TB24	10	tolvaptan TABS	44
telmisartan-amlodipine	20	THERANATAL CORE NUTRITION TABs	54	topiramate CPSP 15 MG	13
telmisartan-hydrochlorothiazide ...	20	thioridazine hcl	28	topiramate CPSP 25 MG	13
temazepam 15 MG, 30 MG	48	thiotepa 15 MG	23	topiramate CS24	13
temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	48	thiothixene	28	topiramate TABS 200 MG	13
TEMODAR SOLR	23	THYMOGLOBULIN	53	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .	13
temozolomide CAPS	23	THYROGEN 0.9 MG	41	topiramate TABS 50 MG	13
temsirolimus	26	tiagabine hcl	13	topotecan hcl SOLN	27
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	60	ticagrelor 60 MG, 90 MG	47	topotecan hcl SOLR	27
tenofovir disoproxil fumarate TABS 30		timolol maleate (ophth) SOLG	55	toremifene citrate	25
				torseamide TABS	42

TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)	TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	TRICARE TABS
.....321654
tramadol hcl TABS 50 MG	TRESIBA SOLN	trientine hcl 250 MG
.....61652
tramadol hcl TB24	tretinoin (chemotherapy)	trifluoperazine hcl TABS
.....62628
tramadol-acetaminophen	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1	trifluridine
.....7	%3656
trandolapril 1 MG, 2 MG	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	trihexyphenidyl hcl SOLN
.....193627
trandolapril 4 MG	tretinoin microsphere 0.1 %	trihexyphenidyl hcl TABS
.....193627
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-
MG, 240 MG-1 MG	MG, 15 MG	12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG
.....202315
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2	triamcinolone acetonide (mouth)	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10
MG, 240 MG-4 MG53	MG, 1000 MG-5 MG-25 MG
.....21	triamcinolone acetonide (nasal)15
tranexamic acid SOLN 1000	AERO	TRIKAFTA TBPB
MG/10ML5559
.....47	triamcinolone acetonide (topical)	trimethobenzamide hcl CAPS
tranexamic acid TABS	CREA 0.025 %17
.....4740	trimethoprim TABS
tranylcypromine sulfate	triamcinolone acetonide (topical)21
.....13	CREA 0.1 %	trimipramine maleate CAPS
travoprost SOLN4014
.....57	triamcinolone acetonide (topical)	TRINTELLIX
TRAZIMERA	CREA 0.5 %14
.....2440	TRIUMEQ PD TBSO
trazodone hcl TABS	triamcinolone acetonide (topical)30
.....14	LOTN 0.025 %	TRIUMEQ TABS
TRELEGY ELLIPTA4030
.....10	triamcinolone acetonide (topical)	TROJAN BARESKIN DEVI
TRELSTAR MIXJECT	LOTN 0.1 %49
.....2540	TROJAN MAGNUM MISC
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC	triamcinolone acetonide (topical)49
100 MG/ML	OINT 0.025 %, 0.1 %	TROJAN ULTRA THIN MISC
.....384049
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	triamcinolone acetonide (topical)	TROJAN ULTRA
38	OINT 0.5 %	THIN/SPERMICIDAL MISC
TREMFYA PEN SOAJ SC 2004049
MG/2ML	triamcinolone acetonide SUSP 40	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC
.....45	MG/ML	49
TREMFYA SOLN IV35	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC
.....45	triamterene & hydrochlorothiazide49
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	CAPS 25 MG-37.5 MG	tropicamide SOLN 0.5 %
.....384255
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	triamterene & hydrochlorothiazide	tropicamide SOLN 1 %
45	TABS55
TREMFYA-CD/UC INDUCTION42	trospium chloride CP24
SOAJ SC 200 MG/2ML	triamterene CAPS62
.....4542	trospium chloride TABS
treprostinil SOLN IJ	triazolam62
.....3248	TRUE COVER DEVI
	49
		TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE

TEST STRP	41	TYBLUME CHEW	34	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	12
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...	50	TYBOST	30	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	12
TRULANCE	45	TYMLOS	43	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	12
TRULICITY	16	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	32	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	12
TRUMENBA 0.5 ML	62	TYVASO SOLN IN	32	vancomycin hcl CAPS	21
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	49	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	32	vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	.21
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	49	UBRELVY 100 MG	51	VAQTA	64
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	49	UBRELVY 50 MG	51	VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	64
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	49	UDENYCA ONBODY SOSY	47	varenicline tartrate TABS	59
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	49	UDENYCA SOAJ	47	varenicline tartrate TBPK	59
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	49	UDENYCA SOSY	47	VARIVAX SUSR	64
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	49	umeclidinium-vilanterol	10	VARUBI (180 MG DOSE) TBPK ...	17
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 49		UPTRAVI TABS 200 MCG	32	VAXELIS SUSP	60
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	50	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	32	VAXELIS SUSY	60
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	50	UPTRAVI TITRATION TBPK	32	VAXNEUVANCE	62
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC . 50		ursodiol CAPS	45	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	64
TRUSTEX-NONOXYNOL- 9/RIB/STUD MISC	50	ursodiol TABS	45	VECAMYL	21
TRUXIMA	24	UVADEX	26	VECTIBIX 100 MG/5ML	24
TUKYSA	24	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25	VELPHORO	46
TURALIO 125 MG	26	valacyclovir hcl 1 GM	30	venlafaxine hcl CP24	14
TWINRIX SUSY	64	valacyclovir hcl 500 MG	30	venlafaxine hcl TABS	14
TWIRLA	34	valganciclovir hcl TABS	30	venlafaxine hcl TB24	14
		valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	32
		valproic acid CAPS	13	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	32
		valrubicin	25	verapamil hcl TABS	32
		valsartan TABS	20		
		valsartan-hydrochlorothiazide	21		

verapamil hcl TBCR	32	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	50	CHILDRENS SOLN 2.5 MG/5ML ..	18
VEREGEN	36	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	50	YERVOY	24
VERZENIO	26	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	50	YESINTEK 130 MG/26ML	45
vigabatrin PACK	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	50	YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML ..	38
vigabatrin TABS	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	50	YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML ..	38
vilazodone hcl TABS	14	XALKORI CAPS	26	YESINTEK SOSY 90 MG/ML	38
vincristine sulfate	27	XARELTO STARTER PACK TBPK		YONSA	25
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	27	11		YUFLYMA (1 PEN) AJKT 40	
VIRACEPT TABS 250 MG	30	XARELTO SUSR 1 MG/ML		MG/0.4ML	3
VIRACEPT TABS 625 MG	30	(rivaroxaban)	11	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 80	
VIREAD POWD	30	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11	MG/0.8ML	3
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG,		XARELTO TABS 15 MG	11	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4
250 MG	30	XELJANZ SOLN	2	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4
VISTOGARD	17	XELJANZ TABS 10 MG	2	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	65	XELJANZ TABS 5 MG	2	AJKT	4
VITATHELY WITH GINGER TABS		XELJANZ XR TB24	2	zafirlukast	9
54		XEOMIN	55	zaleplon 10 MG	48
VITRAKVI CAPS	26	XHANCE EXHU	55	zaleplon 5 MG	48
VITRAKVI SOLN	26	XIFAXAN 200 MG	21	ZALTRAP 100 MG/4ML	24
VIZIMPRO	24	XIFAXAN 550 MG	21	ZANOSAR	23
VORAXAZE	26	XIGDUO XR (dapagliflozin		ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
voriconazole TABS	18	propanediol-metformin hcl)	15	ZARXIO	47
VOSEVI	30	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500		ZEJULA TABS	26
VYNDAMAX	33	MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZELBORAF	26
VYNDAQEL	33	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000		ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000	
warfarin sodium TABS	10	MG-5 MG	15	UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-	
water for irrigation, sterile	53	XOSPATA	26	10000 UNIT-3000 UNIT, 168000	
WESTAB PLUS TABS	54	XTANDI CAPS	25	UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT,	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	50	XTANDI TABS 40 MG	25	24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT,	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	50	XTANDI TABS 80 MG	25	42000 UNIT-32000 UNIT-10000	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	50	XULTOPHY	15	UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-	
		XYZAL ALLERGY 24HR		15000 UNIT, 84000 UNIT-63000	
				UNIT-20000 UNIT	42
				ZENPEP CPEP 252600 UNIT-	

189600 UNIT-60000 UNIT	42
zidovudine CAPS	30
zidovudine SYRP	30
zidovudine TABS	30
zileuton TB12	9
ziprasidone hcl	28
ZIRABEV	24
ZIRGAN GEL	56
ZOLADEX 10.8 MG	25
ZOLADEX 3.6 MG	25
zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 43	
ZOLINZA	26
zolmitriptan SOLN	51
zolmitriptan TABS	51
zolmitriptan TBDP	52
zolpidem tartrate TABS	48
zolpidem tartrate TBCR	48
zonisamide CAPS	13
ZONTIVITY	47
ZYDELIG	26
ZYLET	56

Ambetter from Coordinated Care Corporation is a Qualified Health Plan issuer in the Washington Health Benefit Exchange. Coordinated Care Corporation complies with applicable Federal and Washington State civil rights laws and does not discriminate on the basis of race, color, national origin (including limited English proficiency and primary language), age, disability, or sex (including pregnancy, sexual orientation, gender identity, or sex characteristics). This is a solicitation for insurance. ©2025 Coordinated Care Corporation, AmbetterHealth.com/en/wa. For information on your right to receive an Ambetter from Coordinated Care plan free from discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit AmbetterHealth.com and scroll to the bottom of the page.

Ambetter from Coordinated Care Corporation là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Quyền Lợi Y Tế Washington. Coordinated Care Corporation tuân thủ các luật dân quyền hiện hành của Liên Bang và Tiểu Bang Washington và không phân biệt đối xử dựa trên cơ sở chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia (bao gồm cả ngôn ngữ chính và khả năng Tiếng Anh hạn chế), tuổi tác, tình trạng khuyết tật hay giới tính (bao gồm tình trạng mang thai, khuynh hướng tính dục, bản dạng giới hoặc đặc điểm giới tính). Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 Coordinated Care Corporation, AmbetterHealth.com/en/wa. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter from Coordinated Care mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.